

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2020

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Phạm Đình Bông.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2020, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Hiện đang chấp hành án tại đội 34 phân trại 1, Trại giam P. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 11/02/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Thanh B kết hôn với nhau năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K. Sau khi kết hôn chị A và anh B chung sống hạnh phúc được 12 năm thì xảy ra mâu thuẫn do trong cuộc sống giữa chị A và anh B không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Anh B không chịu khó làm ăn mà thường xuyên bài bạc, nhậu nhẹt rồi đánh đập chị A và các con. Chị A và anh B không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Thanh B có 03 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/9/2006, con Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày

18/4/2009 và con Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/02/2003. Chị A có nguyện vọng được nuôi các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày:

Về hôn nhân: Anh B thừa nhận anh và chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K. Sau khi kết hôn cuộc sống của anh B và chị A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống của anh B và chị A không có hạnh phúc. Nay chị A khởi kiện ly hôn với anh B thì anh đồng ý ly hôn. Anh B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Về con chung: Anh B thừa nhận giữa anh và chị A có 03 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/9/2006, con Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 18/4/2009 và con Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/02/2003. Vì hiện nay anh B đang đi chấp hành án hình phạt tù tại trại giam P nên anh B đồng ý giao các con chung cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không có ý kiến gì.

Anh B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị A, anh B chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao các con chung cho chị A nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn là anh Nguyễn Thanh B có nơi cư trú tại thôn Tân L, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Thanh B được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

Tại phiên tòa chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh B, xét yêu cầu của chị A là có căn cứ để chấp nhận, vì chị A và anh B đều thừa nhận trong cuộc sống giữa chị A và anh B thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chị A và anh B không hòa hợp với nhau trong cuộc sống nên không có hạnh phúc. Chị A và anh B không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị A và anh B không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh B cũng đồng ý ly hôn với chị A. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Thanh B.

2.2. Về con chung: Chị A và anh B có 03 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/9/2006, con Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 18/4/2009 và con Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/02/2003. Chị A có nguyện vọng muốn nuôi các con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về nguyện vọng của con chung Nguyễn Thị Khánh L, con Nguyễn Thị Lan A và con Nguyễn Gia B đều có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Hiện nay anh B đang chấp hành án tại Trại giam P, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao các con cho chị A chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Thanh B có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Thanh B.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/9/2006, con Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 18/4/2009 và con Nguyễn Gia B, sinh ngày

04/02/2003 cho chị Nguyễn Thị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Thanh B có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị A phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002865, ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Tím